TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **339**/2019/DS – ST
Ngày: 11-11-2019
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vũ

Bà Phan Thị Cẩm Hồng

Thư ký phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn Y– Kiểm sát viên.

Ngày 11tháng 11 năm 2019 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2019/TLST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản* ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2445/2019/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2019; 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2019/QĐST – DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Minh V, sinh năm: 1976; địa chỉ: số nhà 25/5 ấp Thạnh Mỹ,xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị E (Mốt), sinh năm 1969 và ông Trần Văn T, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: số nhà 137/1 ấp An Khương,xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Minh V trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2018 bà Phạm Thị E (Mốt) và ông Trần Văn T có mua thức ăn để nuôi tôm công nghiệp. Đến năm 2018 bà E, ông T còn nợ anh số tiền 125.561.000 đồng, ngày 22/6/ 2018 anh có viết biên nhận và bà E có ký tên xác nhận còn nợ anh số tiền trên. Anh đã nhiều lần yêu cầu bà E, ông T trả cho

anh số tiền này nhưng bà E và ông T không có hứa hẹn thời gian cụ thể trả nợ cho anh mà chỉ hứa khi nào nuôi tôm trúng sẽ trả cho anh . Do bà E, ông T mua thức ăn của anh thời gian quá lâu không trả nên anh yêu cầu bà E ông T trả cho anh tiền lãi trong thời gian 14 tháng tính từ ngày 22/6/2018 đến ngày 22/8/ 2019 với lãi suất 0.83 %/ tháng với số tiền là 14.590.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi anh yêu cầu bà E, ông T trả cho anh là 140.151.000 đồng. Trước đây anh yêu cầu tính lãi phát sinh đến ngày Tòa xét xử nhưng nay anh không có yêu cầu tính thêm khoản tiền lãi này.

Theo biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị E trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2018 bà có mua thức ăn của anh V để nuôi tôm công nghiệp.Tính đến năm 2018 bà còn nợ anh V số tiền 125.561.000 đồng nên anh V có viết biên nhận nợ và bà có ký tên " Mốt" vào giấy nợ, nguyên nhân bà ký tên " Mốt" vào giấy nợ là do đây là tên thường gọi của bà . Nay theo yêu cầu của anh V thì bà đồng ý trả cho anh V số tiền vốn là 125.561.000 đồng nhưng do trong thời gian qua nuôi tôm bị thua lỗ nên bà yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng nếu trường hợp bà nuôi tôm có lời thì bà trả cho anh V khá hơn. Riêng số tiền lãi là 14.590.000 đồng bà xin không phải trả cho anh V. Do số nợ này là nợ chung của vợ chồng bà và ông T nên bà cũng đồng ý cùng ông T liên đới trả cho anh V số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử,Thư ký: Hội đồng xét xử,Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn bà Phạm Thị E và ông Trần Văn T chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 227, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh V. Buộc bà E, ông T trả cho anh V số tiền 140.151.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Phạm Minh V thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn bà Phạm Thị E và ông Trần Văn T có nơi cư trú tại ấp An Khương,xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre nên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh

Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị E và ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng bà E và ông T vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà E và ông T đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Minh V, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán tài sản giữa anh Phạm Minh V với bà Phạm Thị E được giao kết trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng luật hành vi dân sự nên đây là hợp đồng hợp pháp.Trong quá trình tố tụng anh V và bà E thống nhất từ năm 2016 đến năm 2018 bà E có mua thức ăn nuôi tôm tại cửa hàng của anh V và khi mua bán với nhau hai bên có thỏa thuận sau khi thu hoạch tôm thì bà E sẽ trả tiền mua thức ăn cho anh V. Tính đến ngày 22/6/2018 bà E còn nợ anh V số tiền 125.561.000 đồng, bà E đồng ý trả cho anh V nhưng xin được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng nhưng yêu cầu này không được anh V chấp nhận. Mặt khác khi mua bán anh V và bà E không có thỏa thuận cách thức trả dần. Do đó, anh V yêu cầu bà E và ông T phải trả cho anh V số tiền 125.561.000 đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét việc anh V yêu cầu bà E và ông T phải trả cho anh V khoản tiền lãi tính từ ngày 22/6/2018 đến ngày 22/8/2019 (14 tháng) với mức lãi 0,83%/tháng thành tiền 14.590.000 đồng (tính chẵn) Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi giao kết hợp đồng mua bán anh V đã giao đủ số lượng tài sản cho bà E, ông T như hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận để bà E, ông T thực hiện việc nuôi tôm nhưng sau khi thu hoạch tôm bà E, ông T không trả đủ tiền cho anh V là vi phạm nghĩa vụ mà hai bên đã giao kết. Do đó yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của anh V là có căn cứ và phù hợp với Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét việc anh V yêu cầu của ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà E trả cho anh V số tiền trên Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến gì đối với về việc anh V có yêu cầu ông cùng bà E có trách nhiệm liên đới trả cho anh V số tiền trên. Mặt khác, bà E cũng thừa nhận bà mua thức ăn nuôi tôm là để phát triển kinh tế gia đình và yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả nợ cho anh V. Do đó, anh V yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới với bà E hoàn trả cho anh V tổng số tiền là 140.151.000 đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn anh Phạm Minh V được Tòa án chấp nhận nên bà Phạm Thị E và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh V. Buộc bà Phạm Thị E và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Minh V số tiền 140.151.000 đ (Một trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi mốt nghìn) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 125.561.000 đồng; tiền nợ lãi 14.590.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị E và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 7.007.550 đồng (Bảy triệu không trăm lẽ bảy nghìn năm trăm năm chục) đồng.

Anh Phạm Minh V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.504.000 đồng (Ba triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006098 ngày 22/8/2019.

3.Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Hồng Vân